



**Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán
Ngân hàng Đông Á**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Bùi Việt	Tổng Giám đốc (đến ngày 2 tháng 1 năm 2016)
	Ông Tô Hiếu Thuận	Tổng Giám đốc (từ ngày 2 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016)
	Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát	Ông Trần Quang Nghĩa	Trưởng ban
----------------------	----------------------	------------

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Sài Gòn 60 – 70 Nguyễn Công Trứ, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội 181 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

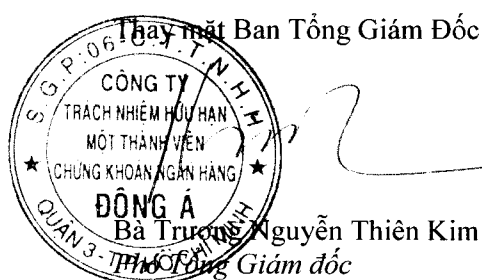
Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 7 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, thu nhập toàn diện chưa hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu chưa hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo thu nhập toàn diện riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 7 đến trang 60.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang ghi nhận một khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu (“ACF”) với giá trị là 30.860.999.556 VND và Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này với giá trị là 12.431.157.416 VND. Dựa trên báo cáo tài chính đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, ACF đang có khoản lỗ lũy kế là 479.700.086.279 VND và vốn chủ sở hữu âm 107.487.077.682 VND. Do đó, toàn bộ giá trị khoản đầu tư của Công ty vào ACF có thể đã bị tổn thất và khoản dự phòng cần phải trích lập thêm là 18.429.842.140 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Đây là nội dung ngoại trừ được đưa ra bởi kiểm toán viên tiền nhiệm trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán với giá trị là 18.429.842.140 VND cho khoản đầu tư vào ACF. Nếu Công ty trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá chứng khoán theo tình hình tài chính của ACF trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 thì lỗ lũy kế chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày sẽ tăng thêm là 18.429.842.140 VND, đồng thời lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp chưa hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và vốn chủ sở hữu chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm đi bằng đúng số tiền này.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, thu nhập toàn diện chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán quy định tại Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được trình bày tại Thuyết minh số 12, theo quy định tại Khoản 3, Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC, Công ty chứng khoán không được sử dụng quá 70% vốn chủ sở hữu để góp vốn đầu tư vào các tổ chức khác, trong đó đầu tư vào các công ty chưa niêm yết không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, tỷ lệ đầu tư vào các tổ chức khác và công ty chưa niêm yết của Công ty lần lượt là 108% (1/1/2016: 101%) và 92% (1/1/2016: 86%), vượt quá tỷ lệ giới hạn theo các quy định hiện hành. Việc vượt tỷ lệ đầu tư tối đa theo quy định chủ yếu do các khoản đầu tư được thực hiện từ các năm trước. Công ty đã có văn bản giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này và đang thực hiện các biện pháp nhằm giảm tỷ lệ đầu tư về đúng mức quy định.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến vấn đề được mô tả ở đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ” ở trên với một số vấn đề cần nhấn mạnh và một vấn đề khác trong báo cáo kiểm toán ngày 3 tháng 3 năm 2016. Ngoài ra, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi công ty kiểm toán trên và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ này với một số vấn đề cần nhấn mạnh trong báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính ngày 9 tháng 10 năm 2015.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo soát xét số: 16-01-156/1

Trưởng Vinh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2016

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo thu nhập toàn diện riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2016

Mẫu số B01g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Đã phân loại lại
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính (“TSTC”) nắm giữ để kinh doanh	01		5.805.006.219	14.702.069.000
- Lãi bán các TSTC nắm giữ để kinh doanh	01.1	6(a)	2.362.217.600	6.694.000
- Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC nắm giữ để kinh doanh	01.2		825.411.510	12.785.068.223
- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC nắm giữ để kinh doanh	01.3	6(b)	2.617.377.109	1.910.306.777
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	6(c)	1.406.938.950	6.443.110.833
1.4. Lãi từ các TSTC sẵn sàng để bán	04	6(d)	228.938.100	4.316.000.000
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06		6.625.343.431	11.837.329.028
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	38.358.200
1.8. Doanh thu tư vấn	08		3.417.534.523	3.811.619.999
1.10. Doanh thu lưu ký chứng khoán	10		594.219.143	976.135.840
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		744.895.682	13.550.222
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 + 03 + 04 + 06 + 07 + 08 + 10 + 11)	20		18.822.876.048	42.138.173.122
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính nắm giữ để kinh doanh	21		666.862.567	47.948.438.727
- Lỗ bán các TSTC nắm giữ để kinh doanh	21.1	7	251.507.000	47.948.438.727
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC nắm giữ để kinh doanh	21.2		415.355.567	-
2.4. Lỗ từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24	12	20.814.408.187	33.275.554.028
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		274.762.358	430.025.397
2.7. Chi phí môi giới chứng khoán	27		4.929.799.179	6.983.455.788
2.9. Chi phí tư vấn	29		1.489.383.333	2.758.604.810
2.11. Chi phí lưu ký chứng khoán	31		790.221.967	906.794.197
2.12. Chi phí khác	32		464.792.004	262.996.690
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 + 24 + 26 + 27 + 29 + 31 + 32)	40		29.430.229.595	92.565.869.637

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo thu nhập toàn diện riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2016 (tiếp theo)

Mẫu số B01g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Đã phân loại lại
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42		855.545.044	499.629.206	
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 42)	50		855.545.044	499.629.206	
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH					
4.4. Chi phí đầu tư khác	54		267.857.956	-	
Cộng chi phí tài chính (60 = 54)	60		267.857.956	-	
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	8	4.302.795.790	36.272.105.093	
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)	70		(14.322.462.249)	(86.200.172.402)	
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC					
8.1. Thu nhập khác	71		-	727.272.727	
8.2. Chi phí khác	72		3.000.000	-	
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		(3.000.000)	727.272.727	
IX. LỖ KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		(14.325.462.249)	(85.472.899.675)	
CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	9	-	-	
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	-	
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-	
XI. LỖ KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100) (mang sang trang sau)	200		(14.325.462.249)	(85.472.899.675)	

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này


Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo thu nhập toàn diện riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2016 (tiếp theo)

Mẫu số B01g – CTCK
 (Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
 ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
			Đã phân loại lại	
XI. LỖ KÉ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100) (mang từ trang trước)	200		(14.325.462.249)	(85.472.899.675)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		-	-
Lợi nhuận sau thuế trích các quỹ	202		-	-
XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
XIII. TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN	400		(14.325.462.249)	(85.472.899.675)

Ngày 17 tháng 8 năm 2016

Người lập: Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
 Trưởng phòng Tài chính – Kế toán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Phó Tổng Giám đốc: Bà Trương Nguyễn Thiên Kim



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu số B02g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại và điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		158.472.722.552	188.830.138.505
I. Tài sản tài chính (110 = 111 + 112 + 114 + 115 + 117 + 119 + 122 + 129)	110		157.979.723.698	188.562.907.414
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	10	84.649.487.968	52.825.049.298
1.1. Tiền	111.1		18.449.487.968	8.825.049.298
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		66.200.000.000	44.000.000.000
2. Các TSTC nắm giữ để kinh doanh	112	12	23.572.177.168	23.750.003.625
4. Các khoản cho vay	114	12	7.033.186.000	48.507.095.578
5. Các TSTC sẵn sàng để bán	115	12	37.014.995.455	58.879.903.642
7. Các khoản phải thu	117	13	18.449.937.500	16.748.650.000
7.1. Phải thu bán các TSTC	117.1		18.202.500.000	16.748.650.000
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	117.2		247.437.500	-
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	14	1.700.482.872	2.496.221.106
12. Các khoản phải thu khác	122	15	32.411.856.735	32.208.384.165
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	16	(46.852.400.000)	(46.852.400.000)
II. Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131 + 133 + 134)	130		492.998.854	267.231.091
1. Tạm ứng	131		28.080.000	6.980.000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		456.418.854	241.751.091
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		8.500.000	18.500.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B02g – CTCK
 (Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
 ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại và điều chỉnh lại
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		34.213.655.750	33.428.621.460
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Các khoản đầu tư	212		30.000.000.000	30.000.000.000
2.2. Đầu tư vào công ty con	212.2	17	30.000.000.000	30.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.025.186.891	1.233.829.591
1. Tài sản cố định hữu hình	221	18	111.464.891	98.724.591
Nguyên giá	222		14.024.415.098	13.969.657.098
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(13.912.950.207)	(13.870.932.507)
3. Tài sản cố định vô hình	227	19	913.722.000	1.135.105.000
Nguyên giá	228		15.012.019.704	14.916.019.704
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(14.098.297.704)	(13.780.914.704)
V. Tài sản dài hạn khác	250		10.553.589.541	9.292.054.595
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		42.167.798	77.661.798
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	20	10.511.421.743	9.214.392.797
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260	17	(7.365.120.682)	(7.097.262.726)
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		192.686.378.302	222.258.759.965

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B02g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại và điều chỉnh lại
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		5.838.599.682	21.085.519.096
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		5.838.599.682	21.085.519.096
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	21	295.872.976	1.223.388.701
8. Phải trả người bán	320		105.006.773	105.006.773
9. Người mua trả tiền trước	321		1.907.162.000	1.963.662.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	22	735.431.577	1.025.904.106
11. Phải trả người lao động	323		1.246.363.876	1.504.721.564
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		223.557.999	179.667.103
13. Chi phí phải trả	325		76.934.000	30.164.000
17. Các khoản phải trả khác	329	23	1.091.171.939	14.659.098.586
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		157.098.542	393.906.263
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		186.847.778.620	201.173.240.869
I. Vốn chủ sở hữu	410		186.847.778.620	201.173.240.869
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	24	500.000.000.000	500.000.000.000
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		8.902.712.767	8.902.712.767
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		8.902.712.768	8.902.712.768
6. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		11.770.434.156	11.770.434.156
7. Lỗ lũy kế	417		(342.728.081.071)	(328.402.618.822)
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		192.686.378.302	222.258.759.965
LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	450		-	-
1. Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư trong năm	451		-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B02g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại và điều chỉnh lại
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (“CTCK”) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
8.		TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) của CTCK		
	008	25(a)	33.847.010.000	33.846.770.000
		<i>a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		
	008.1		33.679.010.000	33.846.770.000
		<i>e. TSTC chờ thanh toán</i>		
	008.5		168.000.000	-
9.		TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK		
	009	25(b)	70.000	10.000
		<i>a. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>		
	009.1		70.000	10.000
12.		TSTC chưa lưu ký tại VSD		
	009		76.367.800.000	76.167.670.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1.		TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư		
	021	25(c)	2.062.496.930.000	2.234.540.460.000
		<i>a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		
	021.1		1.896.518.100.000	2.042.256.550.000
		<i>c. TSTC giao dịch cầm cố</i>		
	021.3		99.284.600.000	99.284.600.000
		<i>d. TSTC phong tỏa, tạm giữ</i>		
	021.4		51.262.510.000	54.998.260.000
		<i>e. TSTC chờ thanh toán</i>		
	021.5		15.431.720.000	38.001.050.000
2.		TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		
	022	25(d)	16.257.050.000	17.097.200.000
		<i>a. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>		
	022.1		12.336.990.000	17.006.270.000
		<i>b. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>		
	022.2		3.920.000.000	90.930.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B02g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại và điều chỉnh lại
<i>d. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ</i>	022.4		60.000	-
6. Tiền gửi của khách hàng	026		119.617.579.405	120.646.800.113
6.1. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027		98.613.655.125	80.776.659.258
<i>a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	027.1		98.612.655.125	80.776.659.258
<i>b. Tiền của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Ngân hàng thương mại (“NHTM”) quản lý</i>	027.2		1.000.000	-
6.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng			17.306.560.125	36.938.820.800
6.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	028		2.028.771	2.028.771
<i>a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	028.1		1.000.000	1.000.000
<i>b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	028.2		1.028.771	1.028.771
6.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	029		3.695.335.384	2.929.291.284
7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030		112.929.472.621	116.030.826.829
7.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.1		112.587.614.822	115.841.086.054
7.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.2		341.857.799	189.740.775

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

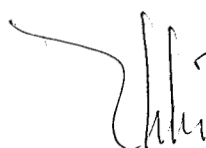
Mẫu số B02g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

	Mã	Thuyết	30/6/2016	1/1/2016
	số	minh	VND	VND
				Đã phân loại lại
				và điều chỉnh lại
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	031		2.992.771.400	1.686.682.000
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	031.1		2.992.771.400	1.686.682.000
12. Phải trả cổ tức	035		3.695.335.384	2.929.291.284

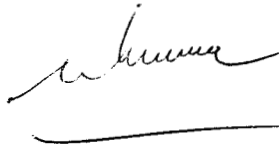
Ngày 17 tháng 8 năm 2016

Người lập



Bà Huỳnh Thị Thanh Trà

Trưởng phòng Tài chính – Kế toán



Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên



Phó Tổng Giám đốc

Bà Trương Nguyễn Thiên Kim

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B03ag – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Đã điều chỉnh lại
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01	-	(207.300)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02	43.769.152.578	25.218.921.273
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03	(756.344.391)	(972.098.485)
4. Cổ tức đã nhận	04	1.275.151.320	1.950.779.000
5. Tiền lãi đã thu	05	3.045.525.828	6.722.280.905
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07	(2.688.191.808)	(2.759.155.182)
8. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	08	(4.384.352.852)	(4.691.980.347)
9. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các TSTC	09	(274.762.358)	(430.025.397)
10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	10	11.727.484.680	29.193.883.360
11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11	(19.738.466.327)	(51.103.632.538)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	31.975.196.670	3.128.765.289
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(150.758.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	727.272.727
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(150.758.000)	727.272.727
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	31.824.438.670	3.856.038.016
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ			
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	60	52.825.049.298	1.851.842.350
▪ Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	61	52.802.100.906	1.828.181.709
▪ Các khoản tương đương tiền	62	8.802.100.906	1.828.181.709
	63	44.000.000.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03ag – CTCK
 (Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
 ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
			Đã điều chỉnh lại
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh số 10)	70	84.649.487.968	5.707.880.366
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	71	84.620.084.698	5.680.140.832
▪ Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	72	18.420.084.698	5.680.140.832
▪ Các khoản tương đương tiền	73	66.200.000.000	-

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
			Đã điều chỉnh lại
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	1.986.805.397.600	3.658.510.981.400
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(1.729.521.445.700)	(3.360.423.079.700)
5. Thu tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	05	42.626.426.949	109.172.509.363
6. Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	06	(8.133.468.373)	(14.240.345.855)
9. Chi tiền từ tài khoản thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	09	(293.157.820.612)	(283.966.444.624)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(414.354.672)	(454.744.914)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	25.733.078.980	-
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(24.967.034.880)	-
(Giảm)/tăng tiền thuần trong kỳ (mang sang trang sau)	20	(1.029.220.708)	108.598.875.670

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03ag – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
			Đã điều chỉnh lại
(Giảm)/tăng tiền thuần trong kỳ (mang sang trang sau)	20	(1.029.220.708)	108.598.875.670
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	120.646.800.113	70.118.641.297
Tiền gửi Ngân hàng đầu kỳ:	31	120.646.800.113	70.118.641.297
▪ Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	80.776.659.258	27.571.820.738
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34	36.938.820.800	42.544.791.788
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	35	2.028.771	2.028.771
▪ Tiền gửi của tổ chức phát hành	36	2.929.291.284	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	119.617.579.405	178.717.516.967
Tiền gửi Ngân hàng cuối kỳ:	41	119.617.579.405	178.717.516.967
▪ Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	98.612.655.125	126.761.009.208
▪ Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	43	1.000.000	-
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	44	17.306.560.125	51.954.478.988
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	45	2.028.771	2.028.771
▪ Tiền gửi của tổ chức phát hành	46	3.695.335.384	-

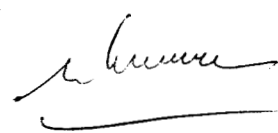
Ngày 17 tháng 8 năm 2016

Người lập



Bà Huỳnh Thị Thanh Trà

Trưởng phòng Tài chính – Kế toán



Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên



Phó Tổng Giám đốc



Bà Trương Nguyễn Thiên Kim

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này


Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu số B04g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

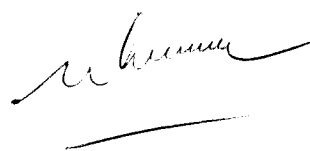
	Số dư đầu kỳ		Biến động Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Số dư cuối kỳ	
	1/1/2015 VND	1/1/2016 VND	30/6/2015 VND	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	30/6/2016 VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	8.902.712.767	8.902.712.767	-	-	8.902.712.767	8.902.712.767
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	8.902.712.768	8.902.712.768	-	-	8.902.712.768	8.902.712.768
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.770.434.156	11.770.434.156	-	-	11.770.434.156	11.770.434.156
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	3.139.071.388	3.139.071.388	-	-	3.139.071.388	3.139.071.388
<i>Quỹ đào tạo</i>	8.631.362.768	8.631.362.768	-	-	8.631.362.768	8.631.362.768
8. Lỗ lũy kế	(246.875.835.011)	(328.402.618.822)	(85.472.899.675)	(14.325.462.249)	(332.348.734.686)	(342.728.081.071)
II. Thu nhập toàn diện khác	-	-	-	-	-	-
TỔNG	282.700.024.680	201.173.240.869	(85.472.899.675)	(14.325.462.249)	197.227.125.005	186.847.778.620

Ngày 17 tháng 8 năm 2016

Người lập


Bà Huỳnh Thị Thanh Trà

Trưởng phòng Tài chính – Kế toán



Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên



Phó Tổng Giám đốc



Bà Trương Nguyễn Thiên Kim

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000059 tại Việt Nam. Địa chỉ liên hệ của Công ty tại 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành lần đầu vào năm 2003 và được thay thế nhiều lần, lần thay thế gần nhất vào ngày 27 tháng 5 năm 2016. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 12/GPHDKD ngày 20 tháng 5 năm 2003 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo. Công ty là công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“Ngân hàng mẹ”), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký và quản lý sổ cổ đông, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Từ ngày 15 tháng 12 năm 2015, Công ty đã ngừng hoạt động cho vay ký quỹ do không đáp ứng điều kiện giao dịch ký quỹ được quy định theo Quyết định số 637/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo Quyết định số 59/GPĐC-UBCK.

(c) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty có một công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực hoạt động chính	Tỷ lệ % sở hữu của Công ty	
				30/6/2016	1/1/2016
1	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á	Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 20/UBCK-GP ngày 24 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.	Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.	100%	100%

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Ngày 6 tháng 5 năm 2014 và ngày 5 tháng 8 năm 2014, Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á (“DAC”) - công ty con đã gửi các tờ trình về việc xin tạm ngừng hoạt động cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 23 tháng 1 năm 2015, theo Quyết định số 59/QĐ-UBCK và Công văn số 344/UBCK-QLQ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt việc tạm ngừng hoạt động của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á từ ngày 23 tháng 1 năm 2015 đến ngày 23 tháng 1 năm 2016. Ngày 5 tháng 5 năm 2016, theo Quyết định số 451/QĐ-UBCK, Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á được gia hạn thời gian tạm ngừng hoạt động đến ngày 23 tháng 1 năm 2017.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 76 nhân viên (1/1/2016: 77 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con do không thuộc đối tượng bắt buộc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo quy định ở Khoản 1, Điều 5 của Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành tại ngày 22 tháng 12 năm 2014.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

3. Áp dụng các hướng dẫn Kế toán mới và các quy định chưa áp dụng

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC (“Thông tư 95”) ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty có một số thay đổi như sau:

- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo mẫu biểu mới của Thông tư 210. Đồng thời, các số liệu so sánh của kỳ trước đã được trình bày cho phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại (Thuyết minh số 31 - Số liệu so sánh);
- Chính sách kế toán về tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 4(f));
- Chính sách kế toán về TSTC và nợ phải trả tài chính (Thuyết minh số 4(e)).

Cũng theo Thông tư 210, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty sẽ phải áp dụng phương pháp kế toán giá trị hợp lý cho một số khoản mục theo quy định tại thông tư này và sẽ phải thuyết minh về cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này.

Những thay đổi chính sách kế toán trên được áp dụng phi hồi tố. Hiện tại Công ty chưa đánh giá và thuyết minh về ảnh hưởng của việc áp dụng phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý đối với báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 và sau đó.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện riêng.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(b) Doanh thu và thu nhập

(i) Lãi/lỗ từ bán các TSTC

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền.

Đối với cổ phiếu thường, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Doanh thu tiền lãi từ các TSTC được ghi nhận theo phương pháp lãi suất thực tế. Lãi suất thực tế là lãi suất dùng để chiết khấu các dòng tiền ước tính trong tương lai trong suốt kỳ hạn ước tính của TSTC đó (hoặc, khi thích hợp, một kỳ hạn ngắn hơn) về giá trị ghi nhận ban đầu của TSTC đó. Doanh thu tiền lãi bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của nó khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

(c) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo thu nhập toàn diện riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả thu nhập toàn diện riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(d) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản lỗ/lãi ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu hoặc thu nhập toàn diện khác.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(e) Tài sản và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính riêng khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC nắm giữ để kinh doanh: Xem các chính sách kế toán 4(g);
- Các TSTC sẵn sàng để bán: Xem các chính sách kế toán 4(h);
- Các khoản cho vay: Xem các chính sách kế toán 4(i).

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(iv) *Cán trừ*

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cân trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cân trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) *Dự phòng TSTC*

Đối với các khoản đầu tư, nếu tại cuối kỳ kế toán, giá trị thị trường thấp hơn giá gốc, Công ty sẽ trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán cho các khoản đầu tư đó.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom), giá thị trường là giá đóng cửa của thị trường UpCom tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC, giá thị trường là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán được cung cấp bởi 3 công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết là các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường UpCom và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”) do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, dự phòng giảm giá được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ trong kế hoạch, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế tại ngày lập báo cáo.

Đối với các khoản cho vay, Công ty trích lập dự phòng như trình bày trong Thuyết minh số 4(i).

Đối với các khoản phải thu, Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi như trình bày trong Thuyết minh số 4(j).

Các khoản lỗ tổn thất do suy giảm giá trị của TSTC, các chi phí dự phòng giảm giá đầu tư và chi phí dự phòng cho các khoản vay được ghi nhận vào lãi/lỗ của Công ty.

Dự phòng do suy giảm giá trị đầu tư được hoàn nhập khi giá thị trường của chứng khoán tăng lên hoặc đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi chưa lập dự phòng.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2016

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty và tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được ghi nhận trong các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng. Theo đó, số dư của khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với cách ghi nhận của Thông tư 210 (trình bày tại Thuyết minh số 31).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

(g) Các TSTC nắm giữ để kinh doanh

TSTC nắm giữ để kinh doanh là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm TSTC nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm TSTC nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC nắm giữ để kinh doanh.

Các TSTC được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính riêng khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của TSTC này.

Các TSTC nắm giữ để kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua TSTC.

Cuối kỳ kế toán, các TSTC nắm giữ để kinh doanh được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(h) Các TSTC sẵn sàng để bán

Các TSTC sẵn sàng để bán là các TSTC phi phái sinh được chủ đích phân loại là sẵn sàng để bán hoặc là những TSTC còn lại.

Các TSTC sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính riêng khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính này.

Các TSTC sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá mua, bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng. Cuối kỳ kế toán, các TSTC sẵn sàng để bán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

(i) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng.

Các khoản cho vay được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính riêng khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính này.

Các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi theo chính sách kế toán như trình bày tại Thuyết minh số 4(j).

(j) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(k) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(l) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(j) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyên	3 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 6 năm
▪ tài sản khác	3 – 4 năm

(m) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 8 năm.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(n) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(p) Các quỹ dự trữ pháp định

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo quyết định của Hội đồng Thành viên.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Theo quy định, Công ty phải trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ hàng năm. Công ty chỉ trích lập các quỹ trên vào cuối năm tài chính. Do đó, Công ty không trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc nêu trên cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(q) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ khác theo Điều lệ Công ty như sau:

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế	Không có
Quỹ đào tạo	5% lợi nhuận sau thuế	Không có

Tỷ lệ trích lập hàng năm đối với các quỹ khác được quy định trong Điều lệ Công ty ban hành lần đầu. Điều lệ Công ty ban hành ngày 27 tháng 5 năm 2016 không quy định cụ thể tỷ lệ trích lập cũng như thời gian trích lập các quỹ khác này.

(r) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“Ngân hàng”), chủ sở hữu Ngân hàng và các công ty con và công ty liên kết của các đơn vị này.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản;
- rủi ro thị trường; và
- các rủi ro khác

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(b) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Bộ phận Quản trị rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Bộ phận Quản trị rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Bộ phận Quản trị rủi ro và tuân thủ của Công ty được bộ phận Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Bộ phận Quản trị rủi ro và tuân thủ.

(c) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	84.625.884.669	52.809.445.805
Các khoản cho vay	(iii)	7.033.186.000	48.507.095.578
Các khoản phải thu – gộp	(iii)	52.101.838.878	50.992.817.042
		<hr/>	<hr/>
		143.760.909.547	152.309.358.425

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 637/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Từ ngày 15 tháng 12 năm 2015, Công ty đã ngừng hoạt động cho vay ký quỹ do không đáp ứng điều kiện giao dịch ký quỹ được quy định theo Quyết định số 637/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa của Công ty, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK

(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC

ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá				Đã bị giảm giá	Tổng
		Quá hạn từ 10 đến 90 ngày	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày		
		VND	VND	VND	VND		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	84.625.884.669	-	-	-	-	-	84.625.884.669
Các khoản cho vay	7.033.186.000	-	-	-	-	-	7.033.186.000
Các khoản phải thu	5.249.438.878	-	-	-	-	46.852.400.000	52.101.838.878
	96.908.509.547	-	-	-	-	46.852.400.000	143.760.909.547

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá				Đã bị giảm giá	Tổng
		Quá hạn từ 10 đến 90 ngày	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày		
		VND	VND	VND	VND		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	52.809.445.805	-	-	-	-	-	52.809.445.805
Các khoản cho vay	48.507.095.578	-	-	-	-	-	48.507.095.578
Các khoản phải thu	4.140.417.042	-	-	-	-	46.852.400.000	50.992.817.042
	105.456.958.425	-	-	-	-	46.852.400.000	152.309.358.425

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(d) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	295.872.976	295.872.976	295.872.976
Phải trả người bán	105.006.773	105.006.773	105.006.773
Phải trả người lao động	1.246.363.876	1.246.363.876	1.246.363.876
Chi phí phải trả	76.934.000	76.934.000	76.934.000
Các khoản phải trả khác	1.091.171.939	1.091.171.939	1.091.171.939
	2.815.349.564	2.815.349.564	2.815.349.564
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.223.388.701	1.223.388.701	1.223.388.701
Phải trả người bán	105.006.773	105.006.773	105.006.773
Phải trả người lao động	1.504.721.564	1.504.721.564	1.504.721.564
Chi phí phải trả	30.164.000	30.164.000	30.164.000
Các khoản phải trả khác	14.659.098.586	14.659.098.586	14.659.098.586
	17.522.379.624	17.522.379.624	17.522.379.624

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

(e) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(i) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Các khoản tương đương tiền	66.200.000.000	44.000.000.000
Các khoản cho vay	7.033.186.000	48.507.095.578
	73.233.186.000	92.507.095.578
<i>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</i>		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.425.884.669	8.809.445.805
	18.425.884.669	8.809.445.805

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm hoặc tăng lỗ trước thuế trong kỳ của Công ty là 184.258.847 VND (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 88.094.458 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

(ii) *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn nắm giữ để kinh doanh do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Tổng Giám đốc phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 44.759.067.300 VND (1/1/2016: 42.467.028.160 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 9% (31/12/2015: 10%) tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lỗ trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm 4.028.316.057 VND hoặc tăng 4.028.316.057 VND (năm kết thúc ngày 31/12/2015: giảm hoặc tăng 4.246.702.816 VND).

(iii) *Rủi ro tỷ giá hối đoái*

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro trong đó giá trị của các công cụ tài chính của Công ty sẽ bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không bị ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái do tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

6. Doanh thu hoạt động

(a) Lãi từ bán các TSTC nắm giữ để kinh doanh

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán kỳ này
		VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	16.800	175.601	2.950.100.000	587.882.400	2.362.217.600
<hr/>					
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán kỳ này
		VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	4.000	14.273	57.090.000	50.396.000	6.694.000
<hr/>					

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(b) Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC nắm giữ để kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
	Đã phân loại lại	
Doanh thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.571.163.889	109.527.777
Doanh thu cổ tức từ TSTC nắm giữ để kinh doanh	1.046.213.220	1.800.779.000
	<hr/>	<hr/>
	2.617.377.109	1.910.306.777

(c) Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
	Đã phân loại lại	
Doanh thu tiền lãi cho vay hoạt động margin	11.389.491	3.205.526.974
Doanh thu tiền lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	1.395.549.459	3.237.583.859
	<hr/>	<hr/>
	1.406.938.950	6.443.110.833

(d) Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
	Đã phân loại lại	
Doanh thu tiền lãi từ bán TSTC sẵn sàng để bán	-	4.166.000.000
Cổ tức phát sinh từ TSTC sẵn sàng để bán	228.938.100	150.000.000
	<hr/>	<hr/>
	228.938.100	4.316.000.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
*(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

7. Lỗ bán các tài sản tài chính nắm giữ để kinh doanh

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán kỳ này
		VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	20.487	39.000	798.993.000	1.050.500.000	251.507.000
<hr/>					
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán kỳ này
		VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	5.160.625	3.326	17.161.831.273	65.110.270.000	47.948.438.727
<hr/>					

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

8. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
		Đã phân loại lại
Chi phí lương và các khoản phúc lợi	3.034.604.430	2.700.370.084
Chi phí văn phòng phẩm	10.428.107	36.732.400
Chi phí công cụ, dụng cụ	11.226.000	46.654.069
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.081.700	559.552.365
Chi phí thuế, phí và lệ phí	11.685.397	7.000.000
Chi phí dự phòng	-	31.600.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.179.443.625	1.141.505.765
Chi phí khác	4.326.531	180.290.410
	<hr/>	<hr/>
	4.302.795.790	36.272.105.093

9. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(14.325.462.249)	(85.472.899.675)
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(2.865.092.450)	(18.804.037.929)
Chi phí không được khấu trừ thuế	750.400	20.920.247.754
Thu nhập không chịu thuế	(255.030.264)	(16.960.263.779)
	<hr/>	<hr/>
	(3.119.372.314)	(14.844.053.954)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	3.119.372.314	14.844.053.954
	<hr/>	<hr/>
	-	-

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	176.942.070.679	35.388.414.136	161.345.209.110	32.269.041.822

Lỗi tính thuế sẽ hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2016	Chưa quyết toán	1.509.752.315
2017	Chưa quyết toán	36.724.342.959
2018	Chưa quyết toán	30.665.115.437
2019	Chưa quyết toán	39.373.392.667
2020	Chưa quyết toán	53.072.605.732
2021	Chưa quyết toán	15.596.861.569
		176.942.070.679

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 (2015: 22%).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% cho năm 2016 (2015: 22%). Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

10. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Tiền mặt	23.603.299	15.603.493
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của CTCK	18.420.084.698	8.802.100.906
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	5.799.971	5.770.575
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	1.574.324
Các khoản tương đương tiền (i)	66.200.000.000	44.000.000.000
	84.649.487.968	52.825.049.298

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có các khoản tương đương tiền khác VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tương đương tiền hưởng lãi suất năm là 5% (1/1/2016: 4,5% đến 5%).

11. Giá trị và khối lượng các giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng các giao dịch thực hiện trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Giá trị các giao dịch thực hiện trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015	30/6/2016	30/6/2015
			VND	VND
Của Công ty				
Cổ phiếu	20.487	4.036	798.993.000	57.297.300
Của nhà đầu tư				
Cổ phiếu	100.261.726	200.413.879	1.437.390.473.000	3.193.655.271.500
Chứng chỉ quỹ	-	15.700	-	141.294.000
	100.282.213	200.433.615	1.438.189.466.000	3.193.853.862.800

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

12. Tình hình lập dự phòng giảm giá các TSTC

	30/6/016				1/1/2016	Mức trích lập/(hoàn nhập) kỳ này VND	
	Số lượng	Giá gốc (***) VND	Giá thị trường VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND		
TSTC nắm giữ để kinh doanh							
Cổ phiếu niêm yết	2.060.678	29.677.623.800	44.759.067.300	14.666.114.090	15.011.509.710	15.796.609.730	(785.100.020)
Công ty CP đầu tư Xây dựng Lương Tài (LUT)	1.647.450	20.343.280.000	5.601.330.000	5.601.330.000	14.741.950.000	15.565.675.000	(823.725.000)
Công ty CP Bến xe Miền Tây (WCS)	215.990	7.558.047.600	37.150.280.000	7.558.047.600	-	-	-
Công ty CP Sợi Thế Kỳ (STK)	63.561	1.036.592.780	1.525.464.000	1.036.592.780	-	-	-
Khác – Giá thị trường cao hơn giá sổ sách kỳ trước	1.328	28.348.480	30.065.600	18.216.010	10.132.470	11.564.180	(1.431.710)
Khác – Giá thị trường thấp hơn giá sổ sách kỳ trước	132.349	711.354.940	451.927.700	451.927.700	259.427.240	219.370.550	40.056.690
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.643.207	20.979.493.058		8.906.063.078	12.073.429.980	11.698.385.903	375.044.077
Công ty CP Đầu tư Vina (Vina Invest) (VNI)	250.000	7.750.000.000	(*)	2.668.070.044	5.081.929.956	5.081.929.956	-
Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh (HSI)	938.240	7.364.898.000	844.416.000	844.416.000	6.520.482.000	6.145.186.000	375.296.000
Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (SPC)	136.000	1.713.525.600	3.481.600.000	1.713.525.600	-	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (BTW)	93.600	1.226.160.000	1.450.800.000	1.226.160.000	-	-	-
Khác – Giá thị trường cao hơn giá sổ sách kỳ trước	139.372	1.760.478.150	2.063.003.500	1.759.967.450	510.700	765.500	(254.800)
Khác – Giá thị trường thấp hơn giá sổ sách kỳ trước	12	19.877	16.800	16.800	3.077	200	2.877
Khác – Không có giá thị trường	85.983	1.164.411.431	(*)	693.907.184	470.504.247	470.504.247	-
	3.703.885	50.657.116.858	52.598.903.600	23.572.177.168	27.084.939.690	27.494.995.633	(410.055.943)

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Số lượng	Giá gốc (***) VND	30/6/016			1/1/2016	Mức trích lập/(hoàn nhập) kỳ này VND	
		Giá thị trường VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị dự phòng VND		
Số lượng	Giá gốc (***) VND	30/6/016			1/1/2016	Mức trích lập/(hoàn nhập) kỳ này VND	
		Giá thị trường VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị dự phòng VND		
TSTC sẵn sàng để bán (**)							
Cổ phiếu chưa niêm yết							
Công ty CP Kim khí Hưng Thịnh Phát	1.285.700	33.140.516.000	(*)	-	33.140.516.000	33.140.516.000	-
Công ty CP Thương mại Thủy sản Á Châu	962.101	30.860.999.556	(*)	-	30.860.999.556	12.431.157.416	18.429.842.140
Công ty CP An Tôn Nguyễn	1.000.000	23.000.000.000	(*)	-	23.000.000.000	23.000.000.000	-
Công ty CP Vật liệu Tự dính Việt Nam	1.600.000	16.000.000.000	(*)	-	16.000.000.000	16.000.000.000	-
Công ty CP Địa ốc Đông Á	1.210.000	12.100.000.000	(*)	8.583.749.254	3.516.250.746	1.131.684.699	2.384.566.047
Công ty CP In và Thương mại Vina	308.400	8.188.020.000	(*)	8.037.766.678	150.253.322	150.253.322	-
Công ty CP Sóng Việt	168.100	8.183.300.000	(*)	8.183.300.000	-	-	-
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Tam Quan Bình Định	150.000	3.990.000.000	(*)	-	3.990.000.000	3.990.000.000	-
Công ty CP Bất động sản DIC (DIC-Resco)	126.000	3.817.280.000	(*)	3.817.280.000	-	-	-
Công ty CP SX XNK Lâm sản -Tiểu thủ CN (Upexim)	225.000	2.873.475.000	(*)	-	2.873.475.000	2.873.475.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bê Tông	80.659	2.403.638.200	(*)	2.403.638.200	-	-	-
Công ty CP Địa ốc 10	45.000	2.241.000.000	(*)	2.241.000.000	-	-	-
Công ty CP Thương mại Quốc tế (ITC)	40.000	1.600.000.000	(*)	1.600.000.000	-	-	-
Công ty CP Địa ốc 9	50.000	1.415.011.000	(*)	1.415.011.000	-	-	-
Công ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec)	49.837	1.046.577.000	(*)	733.250.323	313.326.677	313.326.677	-
	7.300.797	150.859.816.756	(*)	37.014.995.455	113.844.821.301	93.030.413.114	20.814.408.187

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	30/6/2013			1/1/2013	Mức trích lập/(hoàn nhập) kỳ này VND
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị trường VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị dự phòng VND	
Các khoản cho vay					
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	7.033.186.000	(*)	-	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị trường của các tài sản tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này. Công ty đã trích lập dự phòng cho các tài sản tài chính này theo chính sách kế toán như trình bày tại Thuyết minh 4(e)(v).

(**) Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, theo hướng dẫn của Thông tư 210, các khoản mục đầu tư dài hạn trước đây đã được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, nay được trình bày ở khoản mục các TSTC sẵn sàng để bán thuộc mục Tài sản ngắn hạn của Công ty trong báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. (Thuyết minh số 31(b)).

(***) Theo quy định tại Khoản 3, Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC, Công ty chứng khoán không được sử dụng quá 70% vốn chủ sở hữu để góp vốn đầu tư vào các tổ chức khác, trong đó đầu tư vào các công ty chưa niêm yết không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, tỷ lệ đầu tư vào các tổ chức khác và công ty chưa niêm yết của Công ty lần lượt là 108% (1/1/2013: 101%) và 92% (1/1/2013: 86%), vượt quá tỷ lệ theo các quy định hiện hành. Việc vượt tỷ lệ đầu tư tối đa theo quy định chủ yếu do các khoản đầu tư được thực hiện từ các năm trước. Công ty đã có văn bản giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này và đang thực hiện các biện pháp nhằm giảm tỷ lệ đầu tư về đúng mức quy định.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

13. Các khoản phải thu

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu từ VSD	2.950.100.000	-
Phải thu tiền bán các TSTC	15.252.400.000	16.748.650.000
<i>Trong đó, chi tiết về các khoản phải thu tiền bán các TSTC không có khả năng thu hồi:</i>		
<i>Lý Đỗ Nhã Phương</i>	<i>2.400.000.000</i>	<i>2.400.000.000</i>
<i>Hoàng Thị Duyên</i>	<i>5.252.400.000</i>	<i>5.252.400.000</i>
<i>Nguyễn Huy Dũng</i>	<i>4.300.000.000</i>	<i>4.300.000.000</i>
<i>Nguyễn Thị Bích Thủy</i>	<i>3.300.000.000</i>	<i>3.300.000.000</i>
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	247.437.500	-
	18.449.937.500	16.748.650.000

14. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	91.069.909	169.558.549
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	863.244.343	1.750.922.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	576.047.407	493.528.436
Các khoản phải thu khác	170.121.213	82.212.121
	1.700.482.872	2.496.221.106

15. Các khoản phải thu khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng về đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết	31.600.000.000	31.600.000.000
<i>Trong đó, các khoản phải thu không có khả năng thu hồi:</i>		
<i>Đặng Thị Kim Liên</i>	<i>16.300.000.000</i>	<i>16.300.000.000</i>
<i>Võ Văn Tâm</i>	<i>15.300.000.000</i>	<i>15.300.000.000</i>
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	460.438.229	460.438.229
Các khoản phải thu khác	351.418.506	147.945.936
	32.411.856.735	32.208.384.165

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK

*(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

16. Dự phòng phải thu khó đòi

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số đầu kỳ VND	Số trích lập trong kỳ VND	Số hoàn nhập trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Dự phòng khó đòi phải thu bán các TSTC	15.252.400.000	15.252.400.000	-	-	15.252.400.000
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	31.600.000.000	31.600.000.000	-	-	31.600.000.000
	46.852.400.000	46.852.400.000	-	-	46.852.400.000
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số đầu kỳ VND	Số trích lập trong kỳ VND	Số hoàn nhập trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Dự phòng khó đòi phải thu bán các TSTC	15.252.400.000	10.676.680.000	4.575.720.000	-	15.252.400.000
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	31.600.000.000	-	31.600.000.000	-	31.600.000.000
	46.852.400.000	10.676.680.000	36.175.720.000	-	46.852.400.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK

*(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

17. Đầu tư vào công ty con

30/6/2016

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	không áp dụng	100%	100%	30.000.000.000	7.365.120.682	(*)

1/1/2016

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	không áp dụng	100%	100%	30.000.000.000	7.097.262.726	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK

*(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

18. Tài sản cố định hữu hình

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	1.325.552.000	745.181.746	2.414.382.721	9.085.082.059	399.458.572	13.969.657.098
Tăng trong kỳ	-	-	-	54.758.000	-	54.758.000
Số dư cuối kỳ	1.325.552.000	745.181.746	2.414.382.721	9.139.840.059	399.458.572	14.024.415.098
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.286.873.000	743.543.746	2.414.382.721	9.035.878.168	390.254.872	13.870.932.507
Khấu hao trong kỳ	17.868.000	1.638.000	-	13.308.000	9.203.700	42.017.700
Số dư cuối kỳ	1.304.741.000	745.181.746	2.414.382.721	9.049.186.168	399.458.572	13.912.950.207
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	38.679.000	1.638.000	-	49.203.891	9.203.700	98.724.591
Số dư cuối kỳ	20.811.000	-	-	90.653.891	-	111.464.891

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK

*(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

18. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.325.552.000	745.181.746	4.160.802.434	9.085.082.059	399.458.572	15.716.076.811
Thanh lý	-	-	(1.746.419.713)	-	-	(1.746.419.713)
Số dư cuối năm	1.325.552.000	745.181.746	2.414.382.721	9.085.082.059	399.458.572	13.969.657.098
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.251.137.000	711.292.381	4.160.802.434	8.980.490.668	362.582.872	15.466.305.355
Khấu hao trong năm	35.736.000	32.251.365	-	55.387.500	27.672.000	151.046.865
Thanh lý	-	-	(1.746.419.713)	-	-	(1.746.419.713)
Số dư cuối năm	1.286.873.000	743.543.746	2.414.382.721	9.035.878.168	390.254.872	13.870.932.507
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	74.415.000	33.889.365	-	104.591.391	36.875.700	249.771.456
Số dư cuối năm	38.679.000	1.638.000	-	49.203.891	9.203.700	98.724.591

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 13.720.160.207 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 13.191.082.272 VND).

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

19. Tài sản cố định vô hình

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016

	Phần mềm kế toán và giao dịch chứng khoán VND	Phần mềm ứng dụng khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	8.296.938.944	6.619.080.760	14.916.019.704
Tăng trong kỳ	96.000.000	-	96.000.000
Số dư cuối kỳ	8.392.938.944	6.619.080.760	15.012.019.704
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	7.161.833.944	6.619.080.760	13.780.914.704
Khấu hao trong kỳ	317.383.000	-	317.383.000
Số dư cuối kỳ	7.479.216.944	6.619.080.760	14.098.297.704
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.135.105.000	-	1.135.105.000
Số dư cuối kỳ	913.722.000	-	913.722.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

19. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	Phần mềm kế toán và giao dịch chứng khoán VND	Phần mềm ứng dụng khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.236.938.944	6.619.080.760	14.856.019.704
Mua trong năm	60.000.000	-	60.000.000
Số dư cuối năm	8.296.938.944	6.619.080.760	14.916.019.704
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.386.132.332	6.584.639.760	12.970.772.092
Khấu hao trong năm	775.701.612	34.441.000	810.142.612
Số dư cuối năm	7.161.833.944	6.619.080.760	13.780.914.704
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.850.806.612	34.441.000	1.885.247.612
Số dư cuối năm	1.135.105.000	-	1.135.105.000

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 11.946.019.704 VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 11.806.019.704 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

20. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại VSD.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của VSD, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSD và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán được thanh toán qua Thành viên lưu ký của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của Công ty vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	9.214.392.797	7.795.247.635
Tiền nộp bổ sung trong kỳ/năm	756.344.391	972.098.485
Tiền lãi trong kỳ/năm	540.684.555	447.046.677
Số dư cuối kỳ/năm	10.511.421.743	9.214.392.797

21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán	156.141.023	246.392.685
Phải trả VSD	139.135.453	167.299.516
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	596.500	809.696.500
	295.872.976	1.223.388.701

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế Thu nhập cá nhân	700.829.096	3.684.200.704	(3.744.466.598)	640.563.202
Thuế Giá trị gia tăng	325.075.010	409.679.619	(639.886.254)	94.868.375
	1.025.904.106	4.093.880.323	(4.384.352.852)	735.431.577

23. Các khoản phải trả khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải trả tiền đặt cọc theo hợp đồng tư vấn đầu tư	818.276.531	14.381.344.531
<i>Phạm Thị Xuân Dung</i>	-	5.405.000.000
<i>Nguyễn Minh Hiệp</i>	-	2.800.000.000
<i>Phạm Thị Thùy Trang</i>	-	2.664.000.000
<i>Nguyễn Thị Ngọc Khuê</i>	-	1.945.000.000
<i>Nguyễn Thị Thu</i>	818.276.531	817.344.531
<i>Phạm Dương Lâm</i>	-	750.000.000
Các khoản phải trả khác	272.895.408	277.754.055
	1.091.171.939	14.659.098.586

24. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Được duyệt		Đã góp	
	VND	%	VND	%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

25. Các tài khoản ngoại bảng

(a) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số lượng	Mệnh giá VND	Số lượng	Mệnh giá VND
Dưới 1 năm	25	250.000	121.221	1.212.210.000
Hơn 1 năm	3.384.676	33.846.760.000	3.263.456	32.634.560.000
	3.384.701	33.847.010.000	3.384.677	33.846.770.000

(b) TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số lượng	Mệnh giá VND	Số lượng	Mệnh giá VND
Dưới 1 năm	6	60.000	-	-
Hơn 1 năm	1	10.000	1	10.000
	7	70.000	1	10.000

(c) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số lượng	Mệnh giá VND	Số lượng	Mệnh giá VND
TSTC tự do chuyển nhượng	189.651.810	1.896.518.100.000	204.225.655	2.042.256.550.000
TSTC giao dịch cầm cố	9.928.460	99.284.600.000	9.928.460	99.284.600.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	5.126.251	51.262.510.000	5.499.826	54.998.260.000
TSTC chờ thanh toán	1.543.172	15.431.720.000	3.800.105	38.001.050.000
	206.249.693	2.062.496.930.000	223.454.046	2.234.540.460.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
 (Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
 ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(d) TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số lượng	Mệnh giá VND	Số lượng	Mệnh giá VND
TSTC tự do chuyển nhượng	1.233.699	12.336.990.000	1.700.627	17.006.270.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	392.000	3.920.000.000	9.093	90.930.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	6	60.000	-	-
	1.625.705	16.257.050.000	1.709.720	17.097.200.000

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á - Ngân hàng mẹ		
Lãi tiền gửi ngân hàng	68.681.613	20.779.209
Phí chuyển tiền	8.440.257	8.619.545
Tăng tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	989.465.834.176	2.381.542.410.970
Giảm tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	1.007.342.489.453	2.271.231.327.736
Gửi tiền vào tài khoản thanh toán của Công ty	852.007.347.538	860.158.371.964
Rút tiền gửi từ tài khoản thanh toán của Công ty	888.059.793.859	856.508.009.642
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á – Công ty con		
Cổ tức thu hộ cho công ty con	96.204.400	-
Gửi tiền giao dịch chứng khoán	145.837.761	-
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và các khoản phụ cấp	438.149.298	327.678.011

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Phải thu/(phải trả) tại	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á - Ngân hàng mẹ		
Tiền gửi của nhà đầu tư	23.247.587.992	76.406.255.894
Tiền gửi thanh toán của Công ty	6.997.307.487	7.767.741.183
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á		
– Công ty con		
Phải trả khác	(265.777.614)	(169.573.214)
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	1.007.240.124	861.402.363

27. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ

Các hoạt động của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ những khoản mục sau:

(a) Thuế

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất là 20% đối với lợi nhuận trước thuế giữa niên độ.

(b) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo quy định, Công ty phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc hàng năm. Do đó, Công ty không trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trên cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(c) Thưởng cho nhân viên

Công ty đang tạm thời trích trước chi phí lương kinh doanh cho bộ phận ngân hàng đầu tư dựa trên doanh thu từ hoạt động của bộ phận trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và sẽ điều chỉnh lại theo kết quả kinh doanh cuối năm. Công ty chưa trích trước chi phí thưởng cuối năm cho nhân viên vì khoản tiền thưởng này không thể ước tính một cách đáng tin cậy tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

28. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Những ước tính kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các ước tính kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ gần nhất.

29. Các khoản mục bất thường

Ngoài các khoản mang tính thời vụ hoặc chu kỳ như được trình bày trong Thuyết minh 28, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không chứa đựng các khoản mục bất thường trọng yếu nào.

30. Các thay đổi trong cơ cấu Công ty

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty ngoại trừ việc miễn nhiệm Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng tiền nhiệm.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

31. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 Công ty áp dụng Thông tư 210. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại và điều chỉnh lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 210 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại và điều chỉnh lại như sau:

(a) Báo cáo thu nhập toàn diện riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2015
	VND	VND
	(phân loại lại)	(theo báo cáo trước đây)
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	6.123.473.000
Doanh thu khác	-	7.065.818.038
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC nắm giữ để kinh doanh	1.910.306.777	-
Lãi bán các TSTC nắm giữ để kinh doanh	6.694.000	-
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	6.443.110.833	-
Lãi từ các TSTC sẵn sàng để bán	4.316.000.000	-
Thu nhập hoạt động khác	13.550.222	-
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	499.629.206	-
Chi phí hoạt động kinh doanh	-	(81.557.566.607)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(34.495.339.900)
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC nắm giữ để kinh doanh	12.785.068.223	-
Lỗ bán các TSTC nắm giữ để kinh doanh	(47.948.438.727)	-
Lỗ từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(33.275.554.028)	-
Chi phí hoạt động tự doanh	(430.025.397)	-
Chi phí môi giới chứng khoán	(6.983.455.788)	-
Chi phí tư vấn	(2.758.604.810)	-
Chi phí lưu ký chứng khoán	(906.794.197)	-
Chi phí khác	(262.996.690)	-
Chi phí quản lý Công ty Chứng khoán	(36.272.105.093)	-

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(b) Báo cáo tình hình tài chính riêng

	1/1/2016 VND (theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Tiền	129.471.849.411	(120.646.800.113)	8.825.049.298
Các khoản phải trả khác	15.729.919.514	(1.070.820.928)	14.659.098.586
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	118.049.743.705	(116.826.355.004)	1.223.388.701
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.929.291.284	(2.929.291.284)	-
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	-	179.667.103	179.667.103
		1/1/2016 VND (phân loại lại)	1/1/2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Đầu tư ngắn hạn		-	51.244.999.258
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(27.494.995.633)
Các TSTC nắm giữ để kinh doanh		23.750.003.625	-
Phải thu khách hàng ngắn hạn		-	2.326.662.557
Trả trước cho người bán		-	88.550.000
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	460.438.229
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		2.496.221.106	-
Các khoản phải thu		16.748.650.000	97.017.109.473
Các khoản phải thu khác		32.208.384.165	67.590.590
Các khoản cho vay		48.507.095.578	-
Đầu tư dài hạn khác		-	151.910.316.756
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(100.127.675.840)
Các TSTC sẵn sàng để bán		58.879.903.642	-
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn		(7.097.262.726)	-

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B05g – CTCK
(Ban hành theo TT số 210/2014/TT-BTC
ngày 30/12/2014 của Bộ Tài Chính)

(c) Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng

	1/1/2016 VND (theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Tiền gửi của khách hàng	-	120.646.800.113	120.646.800.113
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	-	116.030.826.829	116.030.826.829
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	-	1.686.682.000	1.686.682.000
Phải trả cổ tức	-	2.929.291.284	2.929.291.284

Ngày 17 tháng 8 năm 2016

Người lập



Bà Huỳnh Thị Thanh Trà

Trưởng phòng Tài chính – Kế toán



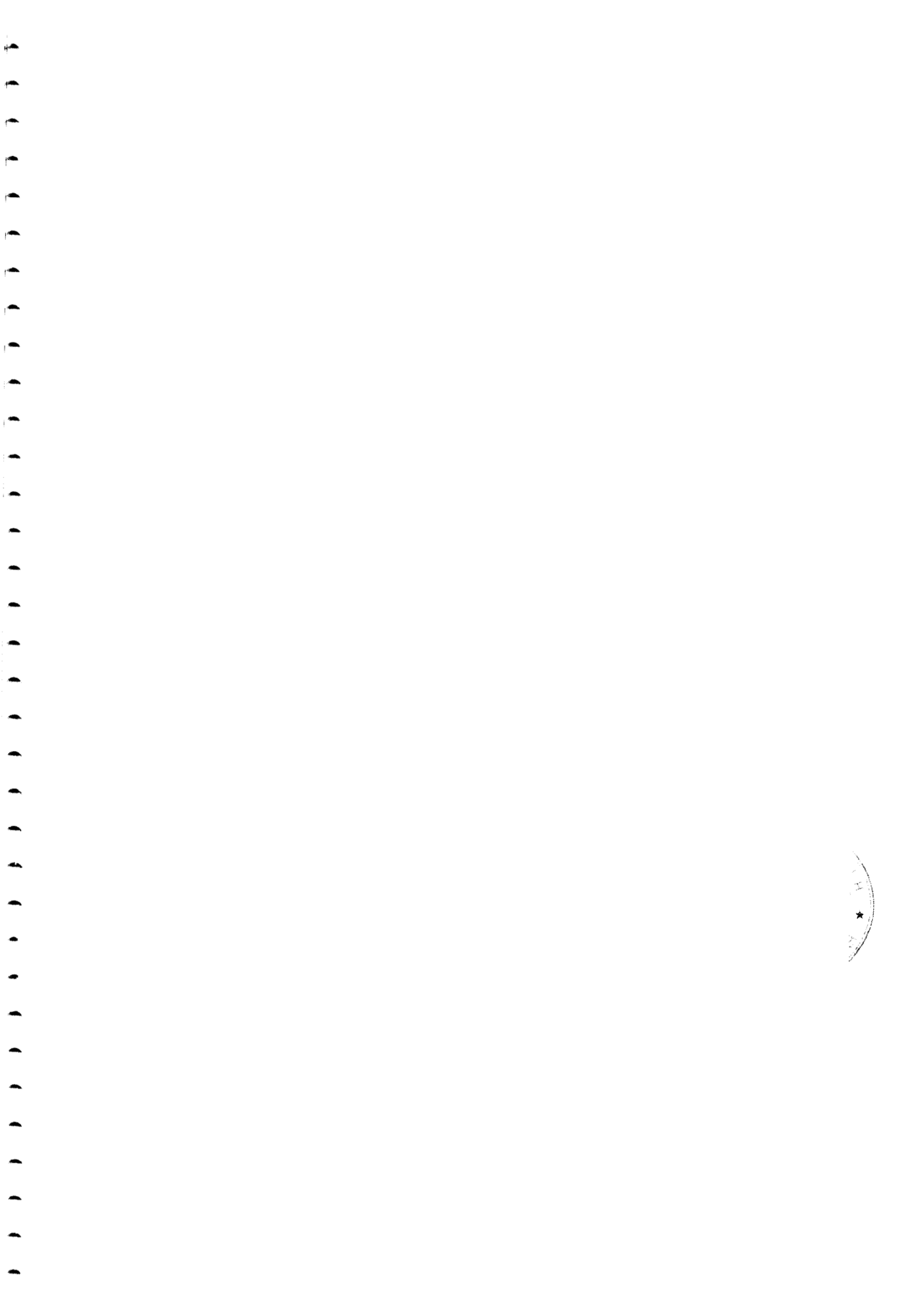
Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên



Phó Tổng Giám đốc



Bà Trương Nguyễn Thiên Kim



TP. HCM, ngày 23 tháng 08 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS)
Trụ sở chính: Tầng 2 - tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08. 3821 8666

Fax : 08. 3821 8713

Người thực hiện công bố thông tin: **Bùi Mai Phương Thảo**

Địa chỉ : Tầng 2 – tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08. 38 336 333

Fax : 08. 38 333 891

Loại thông tin công bố: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:


Báo cáo tài chính bán niên năm 2016 đã được soát xét và giải trình biến động lợi nhuận giữa trước và sau soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2016 của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của DAS vào ngày 23/08/2016 tại đường dẫn: <http://dag.vn/News/2016/8/12/431138.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



BÙI MAI PHƯƠNG THẢO

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2016 đã được soát xét.
- Công văn giải trình biến động lợi nhuận giữa trước và sau soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2016.